

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TỰ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 34

527
C
M
KS
/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thọ Thắng	Chủ tịch
Ông Quảng Trọng Sang	Phó Chủ tịch – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Đức Hiền	Phó Chủ tịch – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Lê Trọng Tú	Thành viên
Ông Lê Trọng Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Trâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên
Bà Phạm Thị Như Phương	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Hà Duy Nghiêm	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Hoài Phương	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Lưu Chí Thịnh	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Thái Ngọc Hùng	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Tuấn	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Bích Nghĩa	Thành viên
Bà Mã Hồng Phương	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Như Phương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Ngọc Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)


- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Thị Như Phượng
Tổng giám đốc

Kiên Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Số: 48/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIẾN GIANG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiến Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 09 năm 2021 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiến Giang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.812.681.789.871	3.648.636.638.587
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	73.642.240.034	12.283.627.081
1. Tiền	111		33.642.240.034	12.283.627.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		960.450.100.625	884.618.449.851
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	167.527.940.468	187.613.065.329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	70.871.845.452	62.164.588.836
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	731.796.989.661	644.587.470.642
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(9.746.674.956)	(9.746.674.956)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	2.778.675.814.092	2.749.535.477.123
1. Hàng tồn kho	141		2.778.675.814.092	2.749.535.477.123
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		(86.364.880)	2.199.084.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		(86.364.880)	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.404.618.123
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	794.466.409
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		886.103.825.288	759.380.852.982
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.606.489.559	21.606.489.559
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	21.606.489.559	21.606.489.559
II. Tài sản cố định	220		68.446.868.032	66.470.768.930
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	68.001.412.530	65.977.586.044
Nguyên giá	222		108.505.781.885	103.799.465.522
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.504.369.355)	(37.821.879.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227		445.455.502	493.182.886
Nguyên giá	228		2.313.695.278	2.313.695.278
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.868.239.776)	(1.820.512.392)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	277.148.886.773	188.632.326.773
1. Nguyên giá	231		277.148.886.773	188.632.326.773
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		194.622.737.862	176.552.668.067
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	194.622.737.862	176.552.668.067
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		300.219.499.161	295.795.372.176
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	314.198.024.069	309.100.499.298
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	4.469.775.200	4.469.775.200
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.2	(18.448.300.108)	(17.774.902.322)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.059.343.901	10.323.227.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24.059.343.901	10.323.227.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.698.785.615.159	4.408.017.491.569

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.736.983.765.643	3.803.281.341.579
I. Nợ ngắn hạn	310		1.650.287.351.279	1.772.903.956.411
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	165.868.910.672	201.013.373.559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	13.036.100.209	15.256.721.710
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	21.189.570.122	13.170.995.249
4. Phải trả người lao động	314		85.776.664.960	119.301.676.436
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	208.050.177.876	223.348.593.845
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	326.676.322.875	363.932.703.873
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	816.373.736.262	809.667.189.333
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.315.868.303	27.212.702.406
II. Nợ dài hạn	330		2.086.696.414.364	2.030.377.385.168
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	1.445.966.345.483	1.281.199.779.824
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	100.723.219.805	144.580.499.950
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	540.006.849.076	604.597.105.394
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		961.801.849.516	604.736.149.990
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	961.801.849.516	604.736.149.990
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		824.997.810.000	524.997.810.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		824.997.810.000	524.997.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.628.334.646	36.402.934.646
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.132.174.561	26.132.174.561
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.043.530.309	17.203.230.783
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		19.158.093.446	8.932.120.302
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.885.436.863	8.271.110.481
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.698.785.615.159	4.408.017.491.569



Phạm Thị Như Phương
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	352.679.375.195	456.016.056.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.521.762.613	289.769.637
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351.157.612.582	455.726.286.545
4. Giá vốn hàng bán	11	4.19	241.676.114.138	325.313.558.319
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.481.498.444	130.412.728.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	14.392.482.636	978.676.515
7. Chi phí tài chính	22	4.21	8.709.228.502	11.983.688.393
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		8.035.830.716	11.983.688.393
8. Chi phí bán hàng	25	4.22	5.129.322.239	5.237.913.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	41.115.387.805	41.455.648.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.920.042.534	72.714.154.129
11. Thu nhập khác	31		1.474.894.843	4.530.748.400
12. Chi phí khác	32		247.631.345	365.692.728
13. Lợi nhuận khác	40		1.227.263.498	4.165.055.672
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.147.306.032	76.879.209.801
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	14.261.869.169	15.613.259.671
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.885.436.863	61.265.950.130



Phạm Thị Như Phượng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.147.306.032	76.879.209.801
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	2.599.752.391	2.261.206.349
Các khoản dự phòng	03		673.397.786	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.20	(14.392.482.636)	(978.676.515)
Chi phí lãi vay	06	4.21	8.035.830.716	11.983.688.393
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		67.063.804.289	90.145.428.028
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75.162.566.242)	1.910.477.467
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.579.196.176	16.171.594.855
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.519.518.592	18.711.497.359
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(13.649.751.544)	388.655.596
Tiền lãi vay đã trả	14		(82.612.677.874)	(73.535.573.409)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(13.016.605.921)	(5.128.524.407)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11.061.397.070)	(28.133.520.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(105.340.479.594)	20.530.035.188
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21		(107.922.062.343)	(79.260.655.133)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(1.729.632.432)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.525.323.887
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.678.224.684)	(3.200.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.975.688.963	6.010.411.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.624.598.064)	(76.654.552.163)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		299.225.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	320.843.142.818	378.498.104.439
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(378.726.852.207)	(304.580.689.136)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(18.000.000)	(10.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		241.323.690.611	73.906.495.303
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		61.358.612.953	17.781.978.328
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	12.283.627.081	40.265.250.381
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	73.642.240.034	58.047.228.709



Phạm Thị Như Phượng
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập biểu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Xây Dựng Kiên Giang, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000055 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 04 năm 2021 để điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 270 (31/12/2020: 270).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thi công, phát triển bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; đại lý du lịch và điều hành tour du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sản phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng công trình công ích, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ đồ uống, đồ điện gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; và
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí,...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

36
Ô
T
T
C
M
/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con và liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	Số 91 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	72,2%	72,2%	72,2%
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	34 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	Lô A16, 3-35 Khu lấn biển Tây Bắc, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	51,0%	51,0%	51,0%
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	Số 143 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	56,1%	56,1%	56,1%
Công ty CP CIC Tinh Khôi	Số 90 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, Việt Nam	51,3%	51,3%	51,3%
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	L7-01 Khu biệt thự cao cấp Bà Kèo, Đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Kiên Giang, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH CIC Education	Lô A16 căn 10-11 Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, đường Lý T, Phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CIC Kiên Giang	Lô A1 - căn 9C, Trung tâm Thương mại Rạch Sỏi, đường Nguyễn, Phường Rạch Sỏi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty CP Xây dựng CIC Kiên Giang	Số 11-12, Lô B3, Đường Chi Lăng, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	51%	51%	51%
Công ty TNHH CIC Đất Mới	Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 19 ấp Búng Gội, Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	67,2%	67,2%	67,2%
Công ty liên kết:				
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	Số 08, Mậu Thân, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	35,2%	35,2%	35,2%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2020.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.950.603.248	597.959.339
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.691.636.786	11.685.667.742
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
Cộng	73.642.240.034	12.283.627.081

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 3 tháng với lãi suất từ 3% đến 4%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	34.738.645.898	-	24.538.645.898	-
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	2.550.000.000	-	2.550.000.000	-
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	14.642.000.000	(7.335.360.336)	14.642.000.000	(7.255.658.992)
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	4.421.805.800	(4.421.805.800)	4.421.805.800	(4.421.805.800)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	170.093.222.460	(887.870.541)	167.093.222.460	(294.174.099)
Công ty TNHH CIC Education	6.696.000.000	(1.988.366.653)	3.300.000.000	(1.988.366.653)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CIC Kiên Giang	12.915.825.140	(3.814.896.778)	10.915.825.140	(3.814.896.778)
Công ty CP Xây dựng CIC Kiên Giang	9.639.000.000	-	9.639.000.000	-
Công ty TNHH CIC Đất Mới	53.401.524.771	-	56.700.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng CIC Thăng Anh	-	-	10.200.000.000	-
Cộng	314.198.024.069	(18.448.300.108)	309.100.499.298	(17.774.902.322)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	4.469.775.200	-	4.469.775.200	-
---	---------------	---	---------------	---

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	127.996.975.955	147.141.077.245
Phải thu hoạt động tư vấn	13.381.926.407	13.461.481.586
Phải thu hoạt động thi công	23.583.501.027	23.583.501.027
Phải thu hoạt động nhà hàng	662.675.822	1.378.404.823
Phải thu hoạt động khác	1.902.861.257	2.048.600.648
Cộng	167.527.940.468	187.613.065.329

Trong đó, phải thu các bên liên quan tại ngày 30/06/2021 là 4.374.030.000 VND – Xem thêm mục 4.29.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	20.172.474.097	5.669.782.294
Trả trước cho người bán:		
Nguyễn Ngọc Tiên (*)	28.000.000.000	28.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	22.699.371.355	28.494.806.542
Cộng	70.871.845.452	62.164.588.836

(*) Là khoản chuyển tiền mua biệt thự theo HĐ số: SV1A - V24/2018/GIS - HĐMBBT ngày 13 tháng 08 năm 2018 và SV1C - V16/2018/GIS - HĐMBBT ngày 13 tháng 08 năm 2018 ký với Bà Nguyễn Ngọc Tiên.

Tại ngày 30/06/2021, mỗi khoản trả trước các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Các đội thi công	31.862.799.234	-	31.275.115.732	-
Phải thu thuế TNCN	8.486.460.714	-	6.908.130.041	-
Tạm ứng	47.961.327.411	-	42.231.627.153	-
Tiền sử dụng đất của các dự án	416.551.152.011	-	350.739.892.716	-
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về DA An Bình	1.814.816.600	-	670.399.518	-
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về DA Chợ Nông Sản	2.866.308.076	-	6.756.440.800	-
Phải thu TT Phát triển Quỹ đất về DA Nam An Hòa	387.286.650	-	576.543.050	-
Phải thu Ban bồi thường giải phóng mặt bằng TP Rạch Giá về DA KDC đường số 2	3.776.491.800	-	2.413.493.400	-
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Nam An Hoà giai đoạn 2	20.207.670.400	-	20.207.670.400	-
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Bắc Vĩnh Quang	110.985.200.000	-	144.571.025.000	-
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA KDC tuyến đường số 1 - Vĩnh Quang	23.868.000.000	-	23.868.000.000	-
Ứng trước tiền bồi hoàn - DA Chợ Nông Sản Rạch Giá	493.092.000	-	493.092.000	-
Phải thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	2.390.200.400	-	3.920.200.400	-
Các khoản đặt cọc	52.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Phải thu khác	8.146.184.365	-	7.955.840.432	-
Cộng	731.796.989.661	-	644.587.470.642	-

Dài hạn:

Phải thu góp vốn dự án không thành lập pháp nhân	21.606.489.559	-	21.606.489.559	-
--	----------------	---	----------------	---

Trong đó, phải thu khác của các bên liên quan tại ngày 30/06/2021 là 21.404.850.000 VND – Xem thêm mục 4.29.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	9.746.674.956	-	9.746.674.956	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản công nợ này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được. Công ty đã trích dự phòng 100% giá trị phải thu.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
BQL Dự án Đầu Tư	8.520.238.285	-	> 3 năm	8.520.238.285	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	1.226.436.671	-	> 3 năm	1.226.436.671	-	> 3 năm
Cộng	9.746.674.956	-		9.746.674.956	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.049.028	-	92.059.626	-
Công cụ, dụng cụ	46.127.295	-	48.084.927	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.776.434.703.944	-	2.747.231.370.433	-
Hàng hóa	2.145.933.825	-	2.163.962.137	-
Cộng	2.778.675.814.092	-	2.749.535.477.123	-

(Xem tiếp trang sau)

361
ÔN
TN
TOÁN
M VI
- T.F

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí dở dang dự án KDC Lấn Biển Tây Bắc	1.372.042.740.459	-	1.429.581.244.606	-
Chi phí dở dang dự án KDC An Bình	167.416.331.338	-	168.207.329.960	-
Chi phí dở dang dự án Hoa Viên Nghĩa Trang Vĩnh Hằng	247.685.813.586	-	242.871.321.338	-
Chi phí SXKD dở dang dự án biệt thự cao cấp Búng Gội	179.512.705.540	-	159.235.382.339	-
Chi phí dở dang dự án Phú Quốc River Side	131.250.102.932	-	130.363.061.569	-
Chi phí dở dang dự án KDC Nam An Hòa	412.651.784.444	-	344.582.270.264	-
Chi phí dở dang các dự án khác	265.875.225.645	-	272.390.760.357	-
Cộng	<u>2.776.434.703.944</u>	-	<u>2.747.231.370.433</u>	-

Chi phí lãi vay riêng đã vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ là 72.162.692.848 VND.

Giá trị hàng tồn kho là 2.397.002.906.950 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 4.16.

Ngoài ra, Công ty đã dùng quyền sử dụng đất tại dự án KDC An Bình với giá trị là 30.745.055.496 VND để bảo đảm cho khoản vay của bên liên quan - Xem thêm mục 4.29.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Chi phí đầu tư khu Bà Kèo Phú Quốc	61.242.986.354	61.227.386.354
Chi phí xây dựng trường mầm non Mekong Green	132.983.238.899	115.243.428.077
Các dự án khác	396.512.609	81.853.636
Cộng	<u>194.622.737.862</u>	<u>176.552.668.067</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	74.802.869.836	7.797.617.063	18.427.675.365	2.771.303.258	103.799.465.522
Mua trong kỳ	-	284.680.000	4.375.454.545	46.181.818	4.706.316.363
Tại ngày 30/06/2021	74.802.869.836	8.082.297.063	22.803.129.910	2.817.485.076	108.505.781.885
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	21.819.309.817	2.744.436.811	10.728.588.375	2.529.544.475	37.821.879.478
Khấu hao trong kỳ	1.224.520.200	527.181.530	864.388.624	66.399.523	2.682.489.877
Tại ngày 30/06/2021	23.043.830.017	3.271.618.341	11.592.976.999	2.595.943.998	40.504.369.355
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	52.983.560.019	5.053.180.252	7.699.086.990	241.758.783	65.977.586.044
Tại ngày 30/06/2021	51.759.039.819	4.810.678.722	11.210.152.911	221.541.078	68.001.412.530

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 của TSCĐ hữu hình là 24.131.570.990 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.673.083.334 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá:

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày
	VND			VND
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	277.148.886.773	90.247.836.125	1.731.276.125	188.632.326.773
Tồn thất do suy giảm giá trị:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	277.148.886.773			188.632.326.773

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị sổ sách.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	131.085.052.005	131.085.052.005	85.306.799.332	85.306.799.332
Phải trả cho người bán khác	34.783.858.667	34.783.858.667	115.706.574.227	115.706.574.227
Cộng	165.868.910.672	165.868.910.672	201.013.373.559	201.013.373.559

Tại ngày 30/06/2021, mỗi khoản phải trả cho người bán khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả trước

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Khách hàng mảng tư vấn	9.503.003.677	10.005.120.035
Người mua trả tiền trước các dự án	3.440.675.165	5.022.074.003
Các khách hàng khác	92.421.367	229.527.672
Cộng	13.036.100.209	15.256.721.710
Dài hạn:		
Dự án Khu đô thị mới Lấn Biển Tây Bắc	936.551.119.552	896.845.058.193
Dự án Seaview	7.360.111.803	7.360.111.803
Dự án Bến xe và TTTM Rạch Sỏi	12.088.831.900	12.421.310.711
Dự án KDC An Bình	80.371.208.738	50.634.613.385
Dự án KDC và tái định cư Nam An Hòa	355.168.263.335	301.745.275.788
Dự án Hoa Viên Nghĩa Trang	5.692.078.129	5.509.339.356
Dự án KDC Chợ Nông sản TTTM Rạch Giá	40.900.000.000	-
Các dự án khác	7.834.732.026	6.684.070.588
Cộng	1.445.966.345.483	1.281.199.779.824

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	5.687.847.153	13.181.766.175	7.493.919.022	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.261.869.167	14.261.869.169	13.016.605.921	-	13.016.605.919
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.006.061.926	6.516.530.937	4.716.002.602	794.466.409	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	159.941.760	159.941.760	-	-
Các loại thuế khác	-	233.791.876	931.507.529	852.104.983	-	154.389.330
Cộng	-	21.189.570.122	35.051.615.570	26.238.574.288	794.466.409	13.170.995.249

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí vật tư và nhân công – hoạt động tư vấn, thiết kế	1.663.635.219	3.019.735.249
Chi phí vật tư và nhân công – hoạt động thi công các dự án	190.900.519.152	202.428.175.302
Lãi vay trích trước	8.396.115.139	9.322.877.571
Lãi trái phiếu phải trả	6.489.438.260	7.977.335.617
Các khoản trích trước khác	600.470.106	600.470.106
Cộng	<u>208.050.177.876</u>	<u>223.348.593.845</u>

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả các đội thi công tiền vật tư đã ứng trước	243.880.599.839	275.915.339.028
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	74.935.632.518	74.203.523.018
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.860.090.518	13.813.841.827
Cộng	<u>326.676.322.875</u>	<u>363.932.703.873</u>
Dài hạn:		
Nhận góp vốn DA biệt thự Bà Kèo Phú Quốc	6.492.999.950	6.492.999.950
Nhận góp vốn DA biệt thự Cao cấp Búng Gội	60.000.000.000	60.000.000.000
Nhận góp vốn DA biệt thự Cao cấp Village Búng Gội	20.000.000.000	65.000.000.000
Nhận góp vốn DA biệt thự Cao cấp Riverside Village	14.230.219.855	13.087.500.000
Cộng	<u>100.723.219.805</u>	<u>144.580.499.950</u>

Trong đó, phải trả khác của các bên liên quan tại ngày 30/06/2021 là 159.007.562.000 VND – Xem thêm mục 4.29.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	482.736.436.446	482.736.436.446	264.551.056.818	263.002.276.877	481.187.656.505	481.187.656.505
Vay dài hạn đến hạn trả	219.487.299.816	219.487.299.816	120.882.342.318	106.674.575.330	205.279.532.828	205.279.532.828
Trái phiếu ngắn hạn	114.150.000.000	114.150.000.000	-	9.050.000.000	123.200.000.000	123.200.000.000
Cộng	816.373.736.262	816.373.736.262	385.433.399.136	378.726.852.207	809.667.189.333	809.667.189.333
Dài hạn:						
Từ 1 đến 5 năm	540.006.849.076	540.006.849.076	56.292.086.000	120.882.342.318	604.597.105.394	604.597.105.394
Tổng cộng	1.356.380.585.338	1.356.380.585.338	441.725.485.136	499.609.194.525	1.414.264.294.727	1.414.264.294.727

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn là các khoản vay ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và bổ sung vốn để thực hiện các dự án Công ty đang đầu tư. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ và được thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác – Xem thêm mục 4.7 và 4.9.

Trái phiếu được phát hành với thời gian đáo hạn là 12 tháng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và có lãi suất cố định từ 10%/năm đến 11%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	500.000.000.000	36.402.934.646	20.388.572.038	16.160.801.063	572.952.307.747
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	61.265.950.130	61.265.950.130
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.905.785.450)	(9.905.785.450)
Điều chỉnh cổ tức bằng tiền năm 2019	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Giảm khác	-	-	(8.716.981)	8.716.981	-
Số dư tại ngày 30/06/2020	500.000.000.000	36.402.934.646	20.379.855.057	87.529.682.724	644.312.472.427
Tăng vốn trong năm trước	24.997.810.000	-	-	(24.997.810.000)	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	53.780.439.959	53.780.439.959
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.752.319.504	(5.752.319.504)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(19.909.370.882)	(19.909.370.882)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(73.499.693.400)	(73.499.693.400)
Giảm khác	-	-	-	52.301.886	52.301.886
Số dư tại ngày 01/01/2021	524.997.810.000	36.402.934.646	26.132.174.561	17.203.230.783	604.736.149.990
Tăng vốn trong kỳ này	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000
Chi phí phát hành vốn	-	(774.600.000)	-	-	(774.600.000)
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	55.885.436.863	55.885.436.863
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	-	2.704.972.163	2.704.972.163
Điều chỉnh cổ tức bằng tiền năm 2020 (*)	-	-	-	(750.109.500)	(750.109.500)
Số dư tại ngày 30/06/2021	824.997.810.000	35.628.334.646	26.132.174.561	75.043.530.309	961.801.849.516

(*) Điều chỉnh cổ tức chi bằng tiền năm 2020 theo số được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào ngày 19 tháng 06 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ông Trần Thọ Thắng	67.069.120.000	43.579.070.000
Vốn góp của các cổ đông khác	757.928.690.000	481.418.740.000
Cộng	824.997.810.000	524.997.810.000

4.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.499.781	52.499.781
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.499.781	52.499.781
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.499.781	52.499.781

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.17.4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 của ĐHCĐ Công ty để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ/ĐHCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2020 như sau:

Số thứ tự	Nội dung	Thông tin
1.	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang
2.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3.	Mệnh giá	10.000
4.	Số lượng cổ phiếu chào bán	30.000.000
5.	Giá trị chào bán	300.000.000.000
6.	Hình thức chào bán	Đầu giá công khai
7.	Ngày bắt đầu chào bán	25/02/2021
8.	Ngày hoàn thành đợt chào bán	09/04/2021
9.	Tổng số cổ phiếu đã bán	30.000.000
10.	Chi phí phát hành	774.600.000

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu	30.000.000
Giá bán (VND/cổ phiếu)	10.000
Thành tiền (VND)	300.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tình hình sử dụng vốn nguồn vốn điều lệ tăng thêm đến 30/06/2021 như sau:

	Kế hoạch sử dụng vốn VND	Đã giải ngân VND
Thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả	132.823.000.000	66.126.000.000
Thanh toán các khoản công nợ phải trả thi công	155.277.000.000	165.862.000.000
Bổ sung vốn lưu động khác (thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, vật tư, thanh toán tiền lương cán bộ công nhân viên,...)	11.900.000.000	3.900.000.000
Cộng	300.000.000.000	235.888.000.000

4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động kinh doanh bất động sản	335.072.426.131	439.782.123.718
Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn	3.189.006.475	3.184.420.095
Hoạt động kinh doanh nhà hàng	12.526.454.513	11.662.181.768
Hoạt động khác	1.891.488.076	1.387.330.601
Cộng	352.679.375.195	456.016.056.182

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này giảm hơn 22% so với cùng kỳ năm trước là do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên tiến độ hoàn thành thi công các dự án bất động sản không được đảm bảo theo kế hoạch, dẫn đến số lượng các căn hộ được bàn giao từ các dự án giảm mạnh, đặc biệt là dự án Khu Đô thị mới Lân biển Tây Bắc Thành phố Rạch Giá.

4.19. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	230.758.864.626	314.035.995.490
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn	1.479.691.150	2.764.451.004
Giá vốn kinh doanh nhà hàng	8.460.613.947	7.683.416.199
Giá vốn khác	976.944.415	829.695.626
Cộng	241.676.114.138	325.313.558.319

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	445.688.963	275.689.030
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	702.987.485
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	13.946.793.673	-
Cộng	14.392.482.636	978.676.515

Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước là do kỳ này phát sinh thu nhập chuyển nhượng 32,8% vốn tại Công ty TNHH CIC Đất Mới.

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	8.035.830.716	11.983.688.393
Dự phòng tổn thất đầu tư	673.397.786	-
Cộng	8.709.228.502	11.983.688.393

4.22. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.289.971.460	819.760.263
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.391.290	168.426.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.833.959.489	4.249.726.984
Cộng	5.129.322.239	5.237.913.330

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.748.839.206	29.715.649.586
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.002.529.777	1.476.424.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.453.727.049	2.115.181.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.557.803	316.725.272
Chi phí bằng tiền khác	10.631.733.970	7.831.668.941
Cộng	41.115.387.805	41.455.648.889

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hàng thương mại	2.990.272.786	2.855.082.148
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.901.838.459	76.586.433.283
Chi phí nhân công	31.876.471.715	53.650.993.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.599.752.391	2.261.206.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	229.440.708.444	268.267.793.393
Chi phí khác bằng tiền	25.315.113.898	13.421.236.183
Cộng	317.124.157.693	417.042.744.657

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	70.147.306.032	76.879.209.801
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	903.897.786	559.882.728
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh.		
Trong đó:	71.051.203.818	77.439.092.529
▪ Thu nhập chịu thuế suất 10%	(516.284.055)	(1.254.411.651)
▪ Thu nhập chịu thuế suất 20%	71.567.487.873	78.693.504.180
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	14.261.869.169	15.613.259.671

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	320.843.142.818	378.498.104.439

4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	369.676.852.207	280.830.689.136
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	9.050.000.000	23.750.000.000
Cộng	378.726.852.207	304.580.689.136

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Góp vốn không bằng tiền	21.340.999.703	970.124.260

4.29. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1.	Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	Công ty con
2.	Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	Công ty con
4.	Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	Công ty con
5.	Công ty CP ĐTPPT Hạ Tầng Phú Quốc	Công ty con
6.	Công ty CP CIC Tinh Khôi	Công ty con
7.	Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	Công ty con
8.	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	Công ty con
9.	Công ty TNHH CIC Education	Công ty con
10.	Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	Công ty con
11.	Công ty TNHH CIC Đất Mới	Công ty con
12.	Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	Công ty liên kết
13.	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Phải thu khách hàng:		
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	4.061.000.000	4.061.000.000
Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	157.710.000	398.625.000
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	155.320.000	155.320.000
Cộng – Xem thêm mục 4.3	<u>4.374.030.000</u>	<u>4.614.945.000</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	19.556.608.954	5.669.782.294
Công ty TNHH Đầu tư XD CIC Phú Quốc	323.462.279	-
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	292.402.864	-
Cộng – Xem thêm mục 4.4	20.172.474.097	5.669.782.294
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khác:		
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc – Phải thu góp vốn dự án không thành lập pháp nhân	19.014.640.000	19.014.640.000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt – Phải thu cổ tức	510.000.000	510.000.000
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang – Phải thu cổ tức	681.710.000	681.710.000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang – Phải thu cổ tức	510.000.000	510.000.000
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang – Phải thu cổ tức	688.500.000	688.500.000
Cộng – Xem thêm mục 4.5	21.404.850.000	21.404.850.000
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	(88.598.267.035)	(451.860.070)
Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng Phú Quốc	(66.489.437)	(66.489.437)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	(13.373.701.929)	(38.517.055.234)
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	(11.122.028.649)	(32.820.909.649)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	(17.807.847.054)	(13.450.484.942)
Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	(116.717.901)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(131.085.052.005)	(85.306.799.332)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả khác:		
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	(44.691.000.000)	(46.849.000.000)
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	(12.711.000.000)	(12.711.000.000)
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	(74.716.562.000)	(75.535.562.000)
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	(11.889.000.000)	(11.889.000.000)
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	(15.000.000.000)	(16.581.000.000)
Cộng – Xem thêm mục 4.15	(159.007.562.000)	(163.565.562.000)
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	87.883.547.338	8.920.246.461
Công ty CP CIC Tỉnh Khôi	13.178.142.727	16.280.174.448
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Nam Việt	1.767.114.368	18.645.906.275
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kiên Giang	514.511.051	31.676.096.361
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng CIC Kiên Giang	10.547.574.856	16.138.446.742
Công ty CP Xây Dựng CIC Kiên Giang	55.204.209.469	96.799.080.865
Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	4.696.333.857	-
Công ty TNHH Đầu tư XD CIC Phú Quốc	653.216.110	-
Cộng	178.444.649.776	188.459.951.152
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng CIC Phú Quốc	3.000.000.000	2.470.124.260
Công ty TNHH CIC Education	2.000.000.000	700.000.000
Công ty TNHH TM DV CIC Kiên Giang	3.396.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH CIC Đất Mới	22.754.731.098	-
Cộng	31.150.731.098	4.170.124.260
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức:		
Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thăng Anh	1.530.000.000	488.836.800

361
ĐN
TN
TOÁN
VI
T.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cam kết bảo lãnh:

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng CIC Thắng Anh – Xem thêm mục 4.7.

Thủ lao hội đồng quản trị được chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Trần Thọ Thắng	Chủ tịch	4.882.887.682	4.898.820.468
Ông Quảng Trọng Sang	Phó Chủ tịch – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	-	-
Ông Nguyễn Đức Hiền	Phó Chủ tịch – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	407.268.020	392.474.783
Ông Lê Trọng Tú	Thành viên	201.834.500	-
Ông Lê Trọng Ngọc	Thành viên	301.144.856	289.981.420
Bà Nguyễn Thị Diệu Trâm	Thành viên	301.144.856	289.981.420
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	301.144.856	289.981.420
Bà Phạm Thị Như Phượng	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	-	-
Ông Hà Duy Nghiêm	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	-	-
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên – Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	-	-
Ông Nguyễn Hữu Hoài Phương	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	301.144.856	289.981.420
Ông Lưu Chí Thịnh	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	201.834.500	-
Ông Thái Ngọc Hùng	Thành viên – Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 06 năm 2021	301.144.856	223.486.064
Cộng		<u>7.199.548.982</u>	<u>6.674.706.995</u>

(Xem tiếp trang sau)

89-C
TY
H
TƯ
NAI
ĐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự chủ chốt khác được chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Phạm Thị Như Phương	Tổng Giám đốc	1.312.014.063	817.490.982
Ông Trần Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc	882.908.026	793.717.237
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	853.560.851	729.026.437
Bà Trần Ngọc Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	778.544.692	749.493.103
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	735.578.025	569.288.276
Bà Trần Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc	360.771.340	-
Bà Kha Thị Mỹ Ngọc	Kế toán trưởng	754.506.894	698.600.607
Cộng		<u>5.677.883.891</u>	<u>4.357.616.642</u>

4.30. Thu nhập của ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	648.738.978	678.247.189

4.31. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	62.164.588.836	225.072.840.587
Phải thu ngắn hạn khác	644.587.470.642	642.587.470.642
Nợ phải trả người bán ngắn hạn	201.013.373.559	361.921.625.310

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là để trình bày lại các công nợ phải thu, phải trả cho phù hợp với bản chất.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí hàng thương mại	2.855.082.148	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.586.433.283	79.441.515.431

Việc trình bày lại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố trong kỳ là để điều chỉnh lại giá mua hàng hóa. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc trình bày lại sẽ cung cấp thông tin phù hợp hơn cho người sử dụng báo cáo tài chính.

4.32. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa có tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.



Phạm Thị Như Phượng
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 23 tháng 09 năm 2021

Kha Thị Mỹ Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Diễm Thúy
Người lập

